

13. HUYỆN MỘC HÓA

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ . . . ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
				XÃ
PHẦN I: NHÓM ĐẤT Ở CÓ VỊ TRÍ TIẾP GIÁP ĐƯỜNG GIAO THÔNG				
A	QUỐC LỘ (QL)			
1	QL 62	Ranh Tân Thạnh – Cầu 79		170.000
		Cầu 79 - Cầu Quảng Dài		220.000
		Cầu Quảng Dài - Cầu Quảng Cụt		240.000
B	ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)			
1	ĐT 817 (ĐT WB2)	Cầu Bình Hòa Tây - Cầu Kênh ba xã	Giáp lộ	440.000
			Giáp kênh	310.000
		Cầu Kênh ba xã - Cụm dân cư ấp 3 Bình Hòa Đông	Giáp lộ	240.000
			Giáp kênh	170.000
		Cụm dân cư ấp 3 Bình Hòa Đông - Trường cấp 2,3 xã Bình Phong Thạnh		440.000
		Trường cấp 2,3 xã Bình Phong Thạnh - Giáp ranh Thạnh Hóa	Giáp lộ	220.000
			Giáp kênh	160.000
2	ĐT 819	Đoạn qua xã Tân Lập		220.000
C	ĐƯỜNG HUYỆN (ĐH)			
1	Đường liên xã Tân Thành – Bình Phong Thạnh	QL 62 - Trung tâm hành chính		170.000
2	Đường liên xã Bình Hòa Đông – Bình Thạnh	ĐT 817 - UBND xã Bình Thạnh		170.000
D	CÁC ĐƯỜNG KHÁC			
I	Các đường có tên			
II	Các đường chưa có tên			
III	Đường giao thông khác nền đường ≥ 3m, có trải đá, sỏi đá, bê tông hoặc nhựa			140.000
E	CÁC KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ . . . ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
				XÃ
1	Xã Bình Hòa Đông	Cụm dân cư Ấp 3		140.000
		Tuyến dân cư Ấp 1 Bình Hòa Đông (Cả Dừa)		140.000
2	Xã Bình Thạnh	Cụm Trung tâm xã		140.000
		Tuyến dân cư Cây Khô Lớn - xã Bình Thạnh		140.000
3	Xã Bình Hòa Tây	Cụm dân cư Ấp Bình Tây 1 - xã Bình Hòa Tây		140.000
		Cụm dân cư Trung tâm xã Bình Hòa Tây		140.000
		Tuyến dân cư Kênh 61 - xã Bình Hòa Tây		140.000
4	Xã Bình Hòa Trung	Cụm dân cư Bình Hòa Trung		140.000
		Tuyến dân cư Bình Hòa Trung		140.000
5	Xã Bình Phong Thạnh	Cụm dân cư Ấp 2		140.000
		Cụm Khu vực Đa khoa (Kênh Huyện ủy)		140.000
6	Xã Tân Lập	Cụm Trung tâm xã		140.000
		Cụm dân cư 79 (ĐT 819)		140.000
7	Xã Tân Thành	Cụm dân cư Tân Thành		140.000
		Tuyến dân cư Tân Thành		140.000

PHẦN II: NHÓM ĐẤT Ở CÓ VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG, KÊNH

1	Ven sông Vàm Cỏ Tây			190.000
2	Ven kênh 79			130.000

PHẦN III: NHÓM ĐẤT Ở KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II

1	Xã			90.000
---	----	--	--	--------